

NỘI DUNG CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025- 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục; Trường mầm non Nghị Công Bắc

2. Địa chỉ trụ sở:

Địa chỉ: Xóm 22, xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0348030959

Email: mamnonnghicongbac@gmail.com

Website: mnngghicongbac.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* Sứ mạng:

Tạo dựng một môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, nơi trẻ được trải nghiệm có cơ hội phát triển về tư duy và năng lực một cách toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

* Tầm nhìn:

Trường mầm non Nghị Công Bắc trở thành một ngôi trường trọng điểm về chất lượng chăm sóc- giáo dục trẻ, là môi trường giáo dục đáng tin cậy của các bậc phụ huynh và là nơi đào tạo những con người khỏe mạnh về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Ở đây trẻ được học tập, rèn luyện, giáo viên năng động, tự tin và luôn có khát vọng vươn lên. Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

* Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện, chú trọng phát triển năng lực và phẩm chất cá nhân trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”;

nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng tốt yêu cầu phát triển giáo dục mầm non. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, đáp ứng quy mô lớp, học sinh. Phân đấu giữ vững danh hiệu trường tiên tiến, xuất sắc của huyện, tỉnh, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Phân đấu đến năm 2027 trường đạt Chuẩn Quốc gia mức 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường mầm non Nghi Công

Bắc:

Trường mầm non Nghi Công Bắc tiền thân là trường Mầm non Nghi Công. Năm 2002 thực hiện Quyết định số 40/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2002 của UBND Tỉnh Nghệ An về chia tách xã. Xã Nghi Công được chia tách thành 2 xã Nghi Công Bắc và Nghi Công Nam. Vì vậy, trường mầm non Nghi Công cũng được chia tách thành 2 trường mầm non Nghi Công Bắc và mầm non Nghi Công Nam. Từ tháng 4 năm 2002 Trường được thành lập và đi vào hoạt động cho đến nay. Năm 2011 trường được chuyển từ trường mầm non bán công sang công lập tự chủ một phần kinh phí, được Chủ tịch UBND huyện Nghi Lộc ký Quyết định chuyển đổi loại hình trường số: 1882/QĐ-UBND ngày 24/10/2011.

Nhà trường được UBND Huyện đầu tư xây dựng địa điểm tại khu trung tâm UBND xã Nghi Công Bắc(Nay là xã Phúc Lộc). Tổng diện tích là 3.047m². Hiện tại có 11 phòng học kiên cố, có 7 phòng chức năng gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, Phòng kế toán, phòng hoạt động âm nhạc, phòng thể chất, thực hành cuộc sống, phòng y tế, một công trình nhà bếp, một công trình vệ sinh dùng cho cán bộ, giáo viên và 1 nhà bảo vệ diện tích đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Trong 23 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2024-2025 trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc. Các tổ chức Công đoàn, đoàn thanh niên luôn đạt vững mạnh xuất sắc, Chi bộ liên tục đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*”, trong năm năm liền. Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2017-2021.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên; Đậu Thị Ngân
- Chức vụ: Hiệu trưởng trường mầm non Nghi Công Bắc
- Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 22- Xã Phúc Lộc- tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 0348030959

- Email: daungan1982@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a, Trường mầm non Nghi Công Bắc tiền thân là trường Mầm non Nghi Công. Năm 2002 thực hiện Quyết định số 40/QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2002 của UBND Tỉnh Nghệ An về chia tách xã. Xã Nghi Công được chia tách thành 2 xã Nghi Công Bắc và Nghi Công Nam. Vì vậy, trường mầm non Nghi Công cũng được chia tách thành 2 trường mầm non Nghi Công Bắc và mầm non Nghi Công Nam. Từ tháng 4 năm 2002 Trường được thành lập và đi vào hoạt động cho đến nay. Năm 2011 trường được chuyển từ trường mầm non bán công sang công lập tự chủ một phần kinh phí, được Chủ tịch UBND huyện Nghi Lộc ký Quyết định chuyển đổi loại hình trường số: 1882/QĐ-UBND ngày 24/10/2011.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 06/QĐ-PGD&ĐT ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghi Lộc.

Danh sách thành viên hội đồng trường

(Ban hành kèm theo quyết định số 06/QĐ-PGD&ĐT ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Đại diện các tổ chức, đoàn thể
1	Đậu Thị Ngân	17/03/1983	Hiệu trưởng	Bí thư chi bộ
2	Đặng Thị Tú	17/08/1981	Phó hiệu trưởng	Phó bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn
3	Nguyễn Duy Phong	28/02/1980	PTC.UBND xã	UBND xã
4	Nguyễn Thị Đào	16/09/1990	Giáo viên	Bí thư ĐTN
5	Nguyễn Thị Hiền	20/11/1980	Giáo viên	Tổ trưởng MG
6	Trần Thị Ngọc	22/6/1990	Giáo viên	Tổ trưởng NT
7	Nguyễn Thị Anh	10/12/1979	Kế toán	Kế toán
8	Nguyễn Xuân Long	24/10/1992	Đại diện CMHS	Đại diện CMHS
9	Nguyễn Thị Thương	06/3/1998	Giáo viên	UBKT công đoàn.

c) Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng

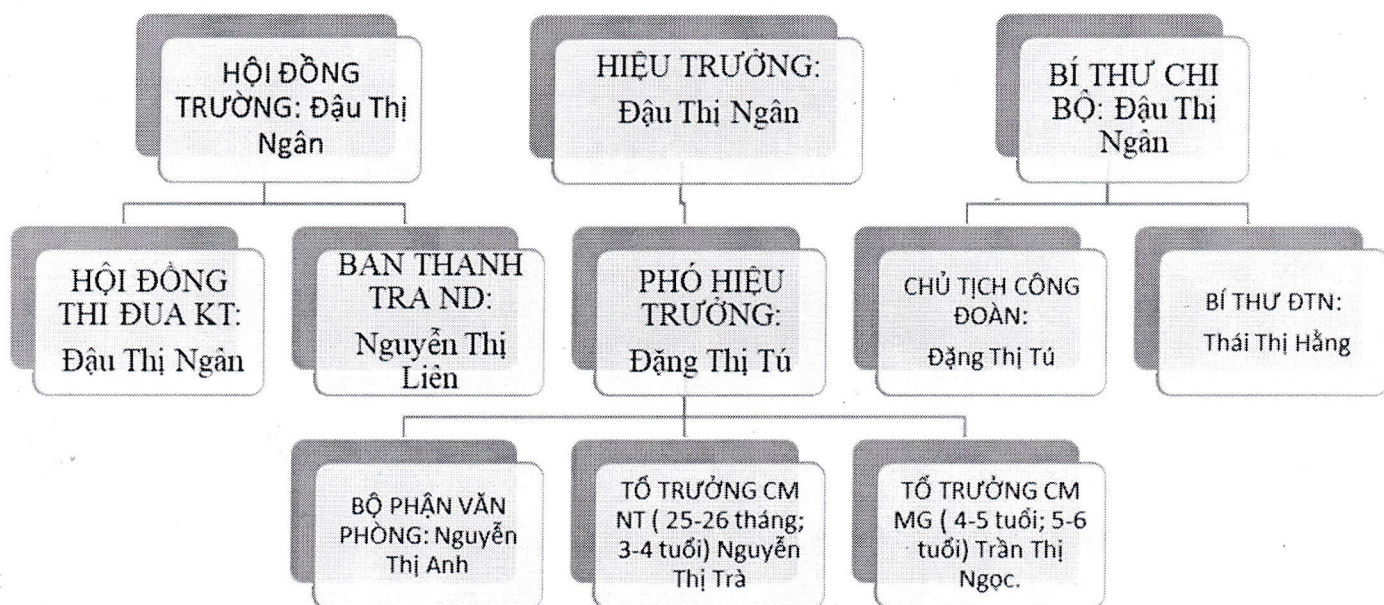
+ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2012 của UBND huyện Nghi Lộc về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

+ Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện Nghi Lộc về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng:

+ Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2019 của UBND huyện Nghi Lộc về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mầm non Nghi Công Bắc;



e) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc, thành viên (nếu có) : Không

g) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo giáo dục.

* Họ và Tên: Đậu Thị Ngân

- Chức vụ : Hiệu trưởng

- Điện thoại; 0348030959

- Địa chỉ thư điện tử: daungan1982@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Nghi Công Bắc, xóm 22 xã Phúc Lộc, Nghệ

* Họ và Tên: Đặng Thị Tú

- Chức vụ : Phó Hiệu trưởng

- Điện thoại; 0675314747

- Địa chỉ thư điện tử: dangtumncb@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Nghi Công Bắc, xóm 22 xã Phúc Lộc, Nghệ

An.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch phát triển chiến lược số số10 /KHCL-MN Kế hoạch phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030 của trường mầm non Nghi Công Bắc

- Kế hoạch số 08/ KH- MN ngày 27 tháng 9 năm 2025 kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của trường mầm non Nghi Công Bắc.

- Quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục; Quy chế công khai, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công, quy tắc ứng xử trong trường học...

- Các Nghị quyết của Hội đồng trường

II. THU ,CHI TÀI CHÍNH

THÔNG BÁO CÔNG KHAI THU – CHI NĂM 2024

(MỤC I – A; MỤC 4)

Đơn vị tính : đồng

TT	Nguồn kinh phí	Số dư đầu kỳ	Phát sinh thu trong kỳ	Số quyết toán trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Ngân sách	0	2.750.154.000	2.750.154.000	
2	Học phí		287.100.000	287.100.000	
3	Vận động tài trợ		155.550.000	152.568.500	2.981.500
4	Chăm sóc bán trú		514.260.000	514.260.000	
5	Đồ dùng bán		25.440.000	25.440.000	

	trú				
6	Tiền ăn		826.713.000	826.713.000	
7	Tiền tuyển sinh		2.940.000	2.940.000	
	Tổng cộng		4.562.157.000	4.562.157.000	

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN
(Mục I – b)

STT	NỘI DUNG	CHIA THEO NGUỒN KINH PHÍ		
		NGÂN SÁCH CẤP	THU TẠI ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG
I	Chi thanh toán cá nhân	2381.583.514	587.700.000	2.618.194.000
1	Chi tiền lương tiền công	941.553.966	389.700.000	1.331.253.966
2	Chi phụ cấp lương	770.686.519		770.686.519
3	Chi các khoản đóng góp theo lương	320.298.427		320.298.427
4	Chi công tác phí	19.200.000		19.200.000
7	Hội nghị	3.928.800		3.928.800
8	Chi thưởng theo danh hiệu thi đua	77.320.000		7.020.000
9	Thuê lao động	168.800.000	198.000.000	366.800.000
10	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập	3.989.790		3.989.790
11	Trích lập quỹ phúc lợi	63.836.642		63.836.642

12	Trích lập quỹ phát triển sự nghiệp	7.979.580		7.979.580
13	Trích lập quỹ khen thưởng	3.989.790		3.989.790
II	Chi hoạt động	355.130.486	1.224.303.000	1.579.433.486
1	Chi nghiệp vụ chuyên môn	73.645.788	169.380.000	243.025.788
2	Chi thanh toán tiền điện, nước	2.582.955	14.101.000	16.683.955
3	Thông tin truyền thông, liên lạc	6.880.800		6.880.800
4	Chi vật tư văn phòng	70.030.799		13.950.000
5	Chi tiền y tế (Chăm sóc SKBD)	5.307.000	5.307.000	9.505.000
6	Chi sửa chữa thường xuyên	16.845.000		16.845.000
7	Chi mua hàng hoá vật tư	3.400.000	193.461.500	196.861.500
8	Tiền ăn học sinh		826.173.000	826.173.000
9	Tuyển sinh		2.940.000	2.940.000
10	Tiền thuế		10.825.000	10.825.000
11	Chi khác	176.438.144	2.115.500	178.553.644
III	Chi hỗ trợ học sinh	13.440.000		13.440.000
	Chi hỗ trợ cho học sinh	13.440.000		13.440.000

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI
DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC : 2025-2026**

STT	TÊN KHOẢN THU	THỜI GIAN ĐỂ TÍNH MỨC THU	NĂM HỌC : 2025-2026
I	Khoản thu bắt buộc		
1	Học phí	Không thu	
2	Lệ phí tuyển sinh	Năm học	30.000đ/ em
II	Khoản thu thỏa thuận		
1	Chăm sóc bán trú	Theo tháng	190.000đ/ tháng/em
2	Đồ dùng bán trú	Theo năm học	75.000đ/em/năm đối với học sinh cũ và 140.000đ/em/năm đối với học sinh mới
3	Tiền ăn	Theo ngày	20.000đ/ ngày
4	Làm quen với tiếng Anh	Theo tiết	Đối với giáo viên việt nam dạy : 16.000đ/ tiết ; Đối với giáo viên nước ngoài dạy : 30.000đ/ tiết
5	Hoạt động tăng cường Aerobic	Theo tiết	16.000đ/ tiết
II	Khoản thu tự nguyện		
1	Vận động tài trợ	Năm học	Tùy vào sự đóng góp tự nguyện của phụ huynh

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
NĂM HỌC 2025-2026
(Mục 3)**

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	THUỘC DIỆN CHÍNH SÁCH	SỐ TIỀN ĐƯỢC HỖ TRỢ		
				ĐỊNH MỨC	SỐ THÁNG	SỐ TIỀN CẢ NĂM
1	Ngô Trí Khánh	Lớn C	Khuyết tật	150.000	9	1.350.000
	Tổng cộng					1.350.000

B. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MÀM NON:

I. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28													
I	Giáo viên	19			20	1	0	0		14	5	12	7		
1	Nhà trẻ	4			3	1				3	1	3	1		
2	Mẫu giáo	15			15	0				12	3	9	6		
II	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu	1			1						1	1			

	trưởng														
III	Nhân viên	7				2	4	1							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên khác	5					4	1							
..	..														

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Diện tích khu đất xây dựng	3.047m²	9.8m²/ trẻ
	Điểm trường	1	
II	Số lượng hạng mục thuộc khối hành chính quản trị; khối phòng NDCSGD; khối phòng tổ chức ăn		
1	Khối phòng hành chính quản trị.		
-	Phòng hiệu trưởng	1	15m ²
-	Phòng phó hiệu trưởng	1	15m ²
-	Văn phòng trưởng	1	80m ²
-	Phòng dành cho nhân viên	1	15m ²
-	Phòng bảo vệ	1	8m ²
-	Khu vực vệ sinh dành cho CG,GV,NV	1	15m ²
-	Khu để xe cho Cb,GV,NV	1	50m ²
2.	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ		
a	Phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ	11	-
-	Phòng học kiên cố	11	-

-	Phòng học bán kiên cố		-
-	Hiên chơi		-
-	Kho nhóm/ lớp	11	-
-	Phòng dành cho giáo viên	0	0
b	Tổng diện tích một số loại phòng	1111	
-	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	625	2.0
-	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
-	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	165	0,53
-	Diện tích hiên chơi (m ²)	149,4	0,44
c	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	55	
d	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	55	
e	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	90	
3	Khôi phòng phụ trợ		
-	Phòng y tế	1	
-	Phòng kế toán	1	
-	Nhà kho	0	
-	Sân vườn	1	
4	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11	11 bộ/ 11 nhóm (lớp)
-	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	11	
-	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
5	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	06 bộ/ 1 sân chơi (trường)

III	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	-
VII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	-

V	Kết nối internet	3	-
VI	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	1	-
VII	Tường rào xây	1	-
..			

3. Thông tin về kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục.

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá; Trường mầm non Nghi Công Bắc tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, trường đạt chuẩn Quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian, kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

- Trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia : tháng 12 năm 2017
- Đánh giá ngoài đạt cấp độ 3 năm học 2017-2018.

4. Chương trình giáo dục tăng cường:

Chương trình cho trẻ làm quen tiếng Anh;

- Nhà trường liên kết, phối hợp với Trung tâm ngoại ngữ tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh (LQVTA).

- Tên trung tâm hợp đồng: **Trung tâm Anh ngữ PACIFIC** (Đã được Sở GD&ĐT thẩm định).

- Địa chỉ trung tâm: Trụ sở chính: số 63 đường Trần Trung Quang – xã Hưng Lộc - TP Vinh – Nghệ An. Điện thoại: 0971087999.

Chương trình Aerobich:

Nhà trường liên kết **công ty TNHH đầu tư Sao Vàng**(Đã được Sở GD&ĐT thẩm định).

- Địa chỉ: Nhà ở liên kề LK4, chung cư Trung Đức Tower, đường Lý Thường Kiệt, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An. ĐT: 0359.844.584

II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

* Quy mô phát triển trường lớp:

- Năm học 2025 - 2026 trường mầm non Nghi Công Bắc có tổng số phòng học: 11 phòng đủ diện tích 55m2- 60m2/ phòng, có các công trình vệ sinh khép kín, bếp ăn phục vụ đủ cho trên 303 học sinh.

- Phân bổ các lớp như sau: 9 lớp MG và 2 nhóm trẻ.

+ Trẻ MG 5 tuổi: 3 lớp

- + Trẻ MG 4 tuổi: 3 lớp
- + Trẻ MG 3 tuổi: 3 lớp
- + Trẻ nhà trẻ: 24 - 36 tháng: 2 nhóm.

* . Chỉ tiêu tuyển sinh:

Dự kiến huy động 288 trẻ trong độ tuổi từ 24-60 tháng (theo chỉ tiêu được phê duyệt) trong đó

- + Trẻ sinh năm 2023 (tức trẻ 2 tuổi): 50 cháu (hiện có: 4; tuyển mới 46 cháu)
- + Trẻ sinh năm 2022 (tức trẻ 3 tuổi): 66 cháu (hiện có 48 cháu; tuyển mới 18 cháu)
- + Trẻ sinh năm 2021(tức trẻ 4 tuổi): 83 cháu (hiện có 83 cháu; tuyển mới : 0)
- + Trẻ sinh năm 2020(tức trẻ 5 tuổi): 89 cháu (hiện có 89 cháu; tuyển mới : 0)

* Đối tượng tuyển sinh

- + Nhà trẻ : từ 24- 36 tháng tuổi (46 cháu)
- + Mẫu giáo : trẻ sinh năm 2022 (18 cháu chưa đi học)
- + Ưu tiên nhận trẻ 5 tuổi ra lớp nhằm thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ

5 tuổi

4 . Thời gian tuyển sinh

* . Thời gian và hình thức tuyển sinh

- Trường Mầm non tổ chức tuyển sinh trong 1 ngày: Thứ 6 ngày 13/ 6/ 2025
- Ngày 30/6/2025 nhà trường công bố danh sách trẻ năm học 2025-2026.
- Hình thức tuyển sinh: Tuyển sinh trực tiếp tại trường mầm non Nghi Công Bắc.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:

- Kế hoạch số 08/KH-MN ngày 27 tháng 9 năm 2025, kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của trường mầm non Nghi Công Bắc.

c) Thực đơn hàng ngày của trẻ;

- Tại bảng công khai các nhóm lớp, tại nhà bếp, nhóm zalo các lớp và đăng tải trên Websile : <http://mnng hicongbac.edu.vn>

d) Các dịch vụ giáo dục (nếu có) : Không

2. Thông tin về kết quả chăm sóc giáo dục trẻ đầu năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	303			54	72	85	92
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	303			54	72	85	92
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa						1	1

	nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	303			54	72	85	92
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	303			54	72	85	92
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	303			54	72	85	92
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	268			53	69	77	85
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	19			1	3	8	7
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	268			53	68	80	89
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	14			1	4	5	4
5	Số trẻ thừa cân béo phì	7			1	0	3	3
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	303			54	72	85	92
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	54			54			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	249				72	85	92
3	Trẻ khuyết tật hoà nhập							1

2. Thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp; Không.

Nơi nhận;

- Đăng Websile trường
- CB,GV,NV, phụ huynh trẻ
- Lưu VT

